

Bản án số: 58 /2024/ DS-ST
Ngày: 20 - 3 - 2024
V/v tranh chấp Đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

2. Ông **HUỖNH VĂN DŨNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **NGUYỄN VÕ LIÊN ANH**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 742/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24A/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *N đơn*: Ông **Lê Minh T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Ông **Lê Hữu T1**, sinh năm 1967

Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1969

Anh **Lê Thái N**, sinh năm 2000

Anh **Lê Nhựt T**, sinh năm 2002

Cùng địa chỉ: tổ A, ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Lê Thị Hồng Y**, sinh năm 1978

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông T, bà S, bà Y có mặt; ông T1 xin vắng mặt; anh N, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện Nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày*: Ông với vợ chồng ông T1, bà S là anh em chú bác họ. Ngày 16/7/2021 vợ chồng ông T1 chuyển nhượng cho ông phần đất ngang 5m, dài hết đất(không rõ số thửa, diện tích) do bà S đứng tên

tại ấp 5, xã An Hữu, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Giá là 100.000.000 đồng. Khi lập hợp đồng có vợ chồng cùng các con ông T1 ký tên, bà S đại diện ký tên vào giấy nhận tiền ngày 14/7/2021. Do trước đó bà S, ông T1 bán phần đất này cho chị Cao Thị Anh Thư nên ông với vợ chồng ông T1, bà S thỏa T hủy hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 16/7/2021, gia đình bà S trả lại tiền cho ông. Ngày 08/12/2023 bà S trả ông 35.000.000 đồng, còn lại 65.000.000 đồng hẹn tháng 02/2023 âm lịch trả. Nhưng đến nay ông bà không trả. Ông yêu cầu ông Lê Hữu T1, bà Nguyễn Thị S, anh Lê Thái N, anh Lê Nhựt T trả ông 65.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T chỉ yêu cầu bà S trả 35.000.000 đồng tiền làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Ông T1 là chồng bà, Lê Thái N, Lê Nhựt T là con bà, bà không nhớ thời gian ông T có thỏa T mua phần đất mé sông ngang 5m, giá 100.000.000 đồng. Bà chỉ nhận 50.000.000 đồng từ ông T nhưng do cháu bà cất nhà trên phần đất này nên ông T kêu bà thôi lại 70.000.000 đồng, bà đã đưa lại 35.000.000 đồng, sau đó bà có tìm ông T đưa 10.000.000 đồng nhưng ông không nhận. Giấy sang nhượng đất vườn vợ chồng bà và 02 con có ký tên. Bà chỉ đồng ý trả 35.000.000 đồng mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đến khi xong.

- Bị đơn ông Lê Hữu T1 tại đơn xin vắng mặt trình bày: Trước kia gia đình ông có bán đất cho ông T nhưng ông T trao trả tiền đất thế nào ông không biết.

- Bị đơn anh Lê Thái N, anh Lê Nhựt T dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng Y trình bày: Bà là vợ ông T, số tiền mua bán đất của bà S là tài sản chung của vợ chồng bà. Sau khi hủy hợp đồng bà S có viết cam kết trả cho vợ chồng bà 35.000.000 đồng. Việc ông T khởi kiện gia đình bà S và quá trình Tòa án giải quyết bà đều biết. Bà thống nhất yêu cầu của ông T và đồng ý để ông T khởi kiện bà S với tư cách cá nhân.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng qui định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T. Buộc bà S trả cho ông T 35.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ do hủy hợp đồng chuyển nhượng đất còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp Đòi tài sản theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Lê Hữu T1 có đơn xin vắng mặt; riêng anh Lê Thái N, anh Lê Nhựt T vắng mặt dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự trên.

[1.4] Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu bà S trả 35.000.000 đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật không yêu cầu trách nhiệm trả nợ của ông T1, anh N, anh T. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về nội dung: Xét thấy, căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà N đơn cung cấp là giấy sang nhượng đất vườn (bản chính) thể hiện gia đình bà S có chuyển nhượng cho ông T phần đất cặp sông Bà Thủ với giá 100.000.000đồng, có xác nhận của trưởng ấp. Bà S cũng đã ký biên nhận nhận tiền. Tuy nhiên do không thực hiện được hợp đồng nên các bên thống nhất hủy giấy sang nhượng đất vườn, bà S cũng đã trả lại ông T 35.000.000đồng và ký vào các giấy xác nhận nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà S đều thừa nhận có ký tên vào giấy sang nhượng đất, các biên nhận nợ. Từ đó xác định giữa 02 bên có phát sinh giao dịch dân sự trên thực tế, bà S đã không thực hiện việc trả tiền lại cho ông T theo cam kết dẫn đến quyền lợi của ông bị xâm hại. Tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu bà S trả 35.000.000 đồng làm 01 lần, còn bà S cũng đồng ý trả tiền nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng việc này không được ông T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Các bên cũng có quyền thỏa T tại giai đoạn thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà S trả cho ông T số tiền là 35.000.000 đồng là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà S phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/ NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Bà có đơn xin miễn giảm án phí nên xem xét giảm 50% án phí phải chịu cho bà.

[4] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/ NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T

Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho ông Lê Minh T số tiền 35.000.000đồng.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị S phải chịu 875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã xét giảm 50%)

2.2. Hoàn lại ông Lê Minh T 1.525.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014600 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà S chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: T hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người vắng thời hạn kháng cáo kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;

- VKSND huyện C;

- Chi cục THADS huyện C;

- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

